

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh Phúc**

Bản án số: 95/2019/DS-ST
Ngày: 15 – 5 – 2019
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
- hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lư Trường Tây

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trương Thị Hằng

Bà Trịnh Thị Trúc Linh

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ngà – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Mỹ Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 178/2018/TLST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2018 về việc Tranh chấp hợp đồng dân sự - hui theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2019/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25A/2019/QĐST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Tuyết N (Tuyết D), sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Ấp 2, xã T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang, (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Phan Thị G (D1), sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp 3, xã T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại

phiên tòa, nguyên đơn trình bày: Bà Phan Thị G có tham gia hội ngày do bà Tuyết N làm chủ nhiều dây hội cụ thể như sau:

- Ngày 27/02/2018 (âm lịch), hội 100.000 đồng/ngày mở 10 dây, có 50 phần tham gia, bà G tham gia hết 10 dây, mỗi dây hội bà tham gia 10 phần. Sau khi tham gia bà hót 09 dây là 90 phần còn lại 01 dây hội sống 10 phần. Bà G đóng được 19 lần, còn nợ lại 31 lần với số tiền 31 lần x 9 chẵn x 100.000 đồng = 279.000.000 đồng. Bà G còn lại 01 dây hội sống đóng được 19 lần với số tiền 19.000.000 đồng.

- Ngày 07/3/2018 (âm lịch), hội 100.000 đồng/ngày mở 20 dây, mỗi dây có 50 phần tham gia, bà G tham gia 20 dây, mỗi dây tham gia 05 phần, bà G hót hết 03 phần còn nợ lại 02 phần. Bà G đóng được 08 kỳ, còn lại 42 kỳ với số tiền 3 phần x 42 kỳ x 20 dây x 100.000 đồng = 252.000.000 đồng. Dây hội này bà G còn lại 02 phần hội với số tiền 2 phần x 20 dây x 8 kỳ x 100.000 đồng = 32.000.000 đồng.

Tổng số tiền 02 dây hội bà G hót được là 205.520.000 đồng (ngày 27/02/2018 âm lịch hót 21.000.000 đồng, ngày 28/02/2018 âm lịch hót 24.600.000 đồng, ngày 02/3/2018 hót 21.980.000 đồng, ngày 07/3/2018 âm lịch hót 22.170.000 đồng, ngày 08/3/2018 âm lịch hót 20.850.000 đồng, ngày 09/3/2018 âm lịch hót 19.860.000 đồng, ngày 11/3/2018 âm lịch hót 22.680.000 đồng, ngày 11/3/2018 âm lịch hót 22.680.000 đồng, ngày 14/3/2018 âm lịch hót 29.700.000 đồng).

Tổng số tiền hội bà G thiếu bà N là 531.000.000 đồng, được khấu trừ lại số tiền hội sống 51.000.000 đồng còn lại 480.000.000 đồng. Ngày 20/3/2018 bà Nguyễn Thị Tuyết N và bà Phan Thị G có đối chiếu nợ bằng giấy cam kết trả nợ và hứa mỗi tháng trả 30.000.000 đồng nhưng bà G không thực hiện nên bà N khởi kiện yêu cầu bà G trả lại số tiền còn nợ là 480.000.000 đồng.

Bị đơn Phan Thị G có lời khai trình bày: Bà G tham gia hội ngày do bà N làm chủ, hội ngày 27/02/2018 âm lịch và ngày 07/3/2018 âm lịch, mỗi dây có 50 người tham gia nhưng tham gia bao nhiêu phần thì bà G không nhớ rõ trong đó có phần hội sống và phần hội chết. Tổng số tiền hội bà G đã hót là 205.520.000 đồng. Sau khi hót hội xong bà G đóng lại hội chết cho bà N nhưng với số tiền bao nhiêu thì bà không nhớ. Nay bà N yêu cầu bà trả số tiền 480.000.000 đồng thì bà không đồng ý chỉ đồng ý trả số tiền hội đã hót là 205.520.000 đồng.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành tốt quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Tuyết N và buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng dân sự - hui”, căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn bà Phan Thị G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn Phan Thị G.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu bị đơn trả số tiền hui còn nợ là 480.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ nguyên đơn cung cấp các giấy ghi nhận nợ hui (bản photo) và giấy cam kết trả nợ ngày 20/3/2018 (bản gốc). Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận số tiền hui bà G đã hót là 205.520.000 đồng, sau khi hót hui bà G không đóng hui chết cho bà N nên bà N yêu cầu bà G trả lại số tiền hui còn nợ 480.000.000 đồng. Bà G không đồng ý trả số tiền 480.000.000 đồng mà chỉ đồng ý trả số tiền hui đã hót 205.520.000 đồng.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào giấy cam kết trả nợ ngày 20/3/2018 âm lịch do bà N cung cấp với nội dung *“chị đây có thiếu em Diệu một số tiền 630.000.000 đồng, tôi hứa sẽ trả cho em diệu số tiền trên. Chị đây hứa 01 tháng trả 30 triệu nếu không trả sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật”*. Bà G thừa nhận sau khi hót hui bà và bà N có kết hui bằng giấy cam kết trả nợ ngày 20/3/2018, theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự *“Một bên đương sự*

thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”.

Đối chiếu với số tiền bà N yêu cầu đối với số tiền nhận nợ trong giấy cam kết trả nợ có sự chênh lệch nhưng bà N yêu cầu bà G trả số tiền 480.000.000 đồng là có lợi hơn cho bà G nên Hội đồng xét xử có cơ sở xem xét.

Bà G tham gia chơi hội và đã hốt hội thì phải có nghĩa vụ góp hội lại cho các hội viên khác. Bà G đồng ý trả số tiền hội đã hốt 205.520.000 đồng, bà không đồng ý trả số tiền 480.000.000 đồng cho bà N nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ là không có cơ sở để Tòa án chấp nhận.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn Phan Thị G phải chịu là 23.200.000 đồng (*Hai mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng*). Bà Nguyễn Thị Tuyết N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 13.275.000 đồng (*Mười ba triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn*) đã nộp theo biên lai thu số 0017555 phiếu lập ngày 27/8/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35; Điều 92, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; 466 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Tuyết N.

[2] Buộc bị đơn Phan Thị G (D1) có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Nguyễn Thị Tuyết N số tiền hội là 480.000.000 đồng (*Bốn trăm tám mươi triệu đồng*).

[3] Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của

số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Phan Thị G phải chịu là 23.200.000 đồng (*Hai mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng*). Bà Nguyễn Thị Tuyết N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 13.275.000 đồng (*Mười ba triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn*) đã nộp theo biên lai thu số 0017555 ngày 27/8/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

[5] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[6] Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã nơi bị đơn cư trú.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND thị xã Long Mỹ;
- Chi cục THA dân sự thị xã Long Mỹ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lư Trường Tây